BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
KHOA CÔNG NGHỆ

BỘ MÔN TỰ ĐỘNG HÓA

SỔ TAY SINH VIÊN

Ngành Cơ điện tử
(Khóa 45)

(Thông tin dành cho sinh viên hệ chính quy tại Khoa Công nghệ, nhập học năm 2019)

Cần Thơ, Tháng 08/2019

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU 0
PHẦN I 1
GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ, KHOA CÔNG NGHỆ, BỘ MÔN TỰ ĐỘNG HÓA 1
Chương 1 TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ 2
Sứ mệnh 2
Tầm nhìn 2
Giá trị cốt lõi 2
Chương 2 KHOA CÔNG NGHỆ 4
Sứ mệnh 4
Tầm nhìn 4
Mục tiêu giáo dục 4
Cơ cấu tổ chức 4
Nguồn lực 5
Chương 3 BỘ MÔN TỰ ĐỘNG HÓA 6
Thông tin cơ bản về Chương trình đào tạo đại học 6
Thông tin cơ bản về Chương trình đào tạo sau đại học 7
Sơ đồ tổ chức 8
Danh sách nhân sự của Bộ môn TĐH 8
PHẦN II 10
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ KẾ HOẠCH HỌC TẬP NGÀNH CƠ ĐIỆN TỬ 10
Chương 4 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CƠ ĐIỆN TỬ 11
Mục tiêu đào tạo 11
Chuẩn đầu ra 11
Kiến thức 11
Khối kiến thức giáo dục đại cương 11
Khối kiến thức cơ sở ngành 12
Khối kiến thức chuyên ngành 12
Kỹ năng 12
Kỹ năng cứng 12
Kỹ năng mềm 12
Thái độ 12

Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp 13
Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường..... 13
Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà đơn vị tham khảo 13
Chương trình đào tạo 13
Chương 5 17
KẾ HOẠCH HỌC TẬP 17
NGÀNH KỸ THUẬT CƠ - ĐIỆN TỬ 17
PHẦN III 19
TƯ VẤN SINH VIÊN VÀ CÁC ĐIỂM CẦN LƯU Ý 19
Chương 6 TƯ VẤN SINH VIÊN 20
Chương trình đào tạo sinh viên ngành Cơ điện tử có các định hướng nào? .. 20
Tổ chức, cơ quan, công ty tuyển dụng sinh ngành Cơ điện tử 20
Ngành Cơ điện tử khác với các ngành Cơ khí và Điện tử như thế nào?..... 20
Vị trí việc làm của Kỹ sư Cơ điện tử là gì? 20
Sinh viên tốt nghiệp ngành Cơ điện tử có thể làm việc ở đâu? 20
Sinh viên ngành Cơ điện tử cần bổ sung những môn học và kiến thức gì để chuyển sang các ngành khác trong nhóm ngành Kỹ thuật điện tử viễn thông?..... 21
Các khó khăn trong học tập thường gặp phải là gì?..... 21
Những khó khăn thường gặp của sinh viên 21
Giải pháp khắc phục những khó khăn trong cuộc sống của sinh viên..... 23
Chương 7 NHỮNG ĐIỂM QUAN TRỌNG LIÊN QUAN ĐẾN QUY CHẾ HỌC VỤ DÀNH CHO SINH VIÊN 26
Quy định đào tạo theo hệ thống tín chỉ..... 26
Quy chế đào tạo đại học chính quy 26
Quy trình đăng ký môn học..... 26
Tín chỉ, tiết học và khối lượng chương trình đào tạo..... 26
Quy trình đăng ký học phần..... 26
Xóa và mở thêm lớp học phần 27
Đăng ký học lại..... 27
Số tín chỉ đăng ký trong một học kỳ..... 27
Giờ lên lớp..... 28
Học cùng lúc hai chương trình 29
Đánh giá học phần 29
Điểm học phần..... 30

Số lần thi, tổ chức thi và vắng thi 31
Quy định về thi và kiểm tra 31
Các hình thức xử lý sinh viên vi phạm quy định về thi và kiểm tra 32
Điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy 33
Thông báo kết quả học tập 34
Xếp hạng năm đào tạo 34
Điểm rèn luyện 34
Xếp loại và khen thưởng 35
Điều kiện xét tốt nghiệp 35
Sinh viên nghỉ học tạm thời 36
Sinh viên thuộc diện cảnh báo học vụ, đình chỉ học tập và buộc thôi học 36
Học phần tương đương 37
Học phí, miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập 39
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn và tín dụng sinh viên 39
Điều chỉnh thông tin cá nhân 39
Tạm hoãn Nghĩa vụ Quân sự 40
Hồ sơ vay vốn ở địa phương 40
Thực hiện công tác xã hội 40

LỜI NÓI ĐẦU

Chào mừng bạn là sinh viên Khoa Công nghệ, ĐHCT!

Quyển sổ tay này được cung cấp cho mỗi khóa sinh viên để giúp sinh viên hiểu được các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Trường, Khoa và Bộ môn. Sổ tay sinh viên cũng cung cấp cho sinh viên chương trình và kế hoạch đào tạo, tư vấn cho sinh viên về nghề nghiệp, thông tin về các dịch vụ tiện ích mà sinh viên thụ hưởng trong suốt thời gian theo học tại Trường, những quy định cần lưu ý liên quan đến học tập và rèn luyện của sinh viên.

Từ các hiểu biết về chương trình đào tạo, tham gia các hoạt động đào tạo và rèn luyện, tuân thủ các quy định của Trường, cũng như sử dụng các dịch vụ tiện ích, sinh viên có thể tự tổ chức, lập kế hoạch học tập và rèn luyện một cách chủ động để hoàn thành chương trình học tập một cách hiệu quả nhất và đảm bảo quyền lợi của mình.

Trong suốt quá trình đào tạo, những thông tin cập nhật sẽ được Trường, Khoa, Bộ môn thông báo tới các sinh viên qua email và phổ biến trên các kênh thông tin sau:

- Website ĐHCT: http://www.ctu.edu.vn
- Trang tin Phòng Đào tạo: https://daa.ctu.edu.vn
- Trang fanpage Phòng đào tạo https://www.facebook.com/daa.ctu.edu.vn
- Trang tin Phòng Công tác sinh viên: https://dsa.ctu.edu.vn
- Trang quản lý đào tạo: https://htql.ctu.edu.vn/htql/login.php
- Website Khoa Công nghệ: http://www.cet.ctu.edu.vn
- Trang fanpage Bộ môn TĐH: https://www.facebook.com/BM-T%E1%BB%B1-%C4%90%E1%BB%99ng-Ho%C3%A1-%C4%90HCT-100737188351594
- Hệ thống hỗ trợ đào tạo: https://elcit.ctu.edu.vn
- Groupmail của lớp sinh viên: [Mã lớp]@student.ctu.edu.vn
- Email sinh viên : [Tên+Mã sinh viên]@student.ctu.edu.vn

Sổ tay sinh viên và các kênh thông tin trên là rất cần thiết, vì vậy mỗi sinh viên cần thường xuyên sử dụng và theo dõi thông tin cập nhật trong suốt quá trình học tập của mình.

Chúc các bạn thành công!

PHẦN I

GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ, KHOA CÔNG NGHỆ, BỘ MÔN TỰ ĐỘNG HÓA

Chương 1 TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Viện Đại học Cần Thơ được thành lập ngày 31 tháng 3 năm 1966. Những năm đầu, Viện đào tạo các ngành về khoa học, luật, xã hội học, văn học, sư phạm và nông nghiệp. Sau 1975, Viện được đổi tên thành Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT) và đào tạo chủ yếu khối ngành sư phạm và nông nghiệp như trồng trọt, chăn nuôi và cơ khí.

Trường ĐHCT đã không ngừng hoàn thiện và phát triển, từ một số ít ngành đào tạo ban đầu, Trường đã củng cố, phát triển thành một trường đa ngành đa lĩnh vực với 2 chương trình bậc cao đẳng, 97 chương trình bậc đại học, 43 chương trình thạc sĩ và 16 chương trình nghiên cứu sinh (năm 2017). Sơ đồ tổ chức của ĐHCT như được trình bày trong Hình 1.1.

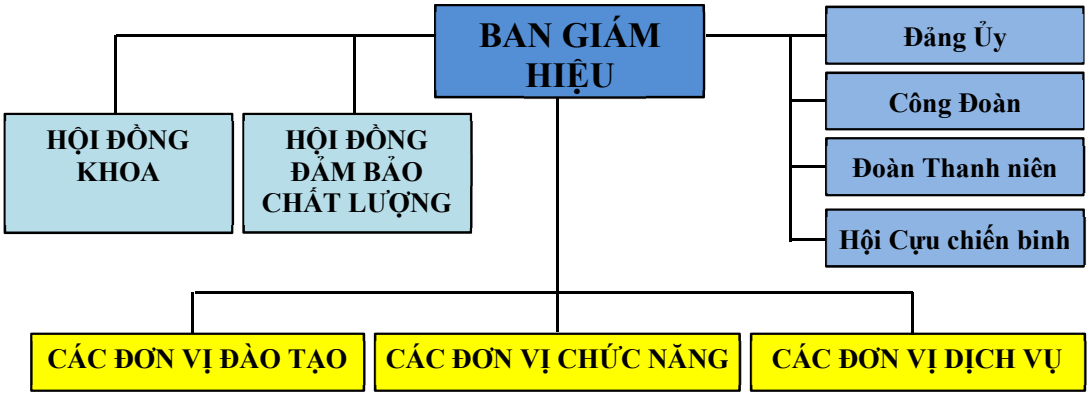

Hình 1.1: Sơ đồ tổ chức của ĐHCT

Sứ mệnh

Sứ mệnh của Trường Đại học Cần Thơ là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học chuyển giao công nghệ hàng đầu của quốc gia đóng góp hữu hiệu vào sự nghiệp đào tạo nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài và phát triển khoa học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng và quốc gia. Trường ĐHCT là nhân tố động lực có ảnh hưởng quyết định cho sự phát triển của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Tầm nhìn

Trường ĐHCT sẽ trở thành một trong những trường hàng đầu về chất lượng của Việt Nam và nằm trong nhóm các trường mạnh về đào tạo, nghiên cứu khoa học trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương vào năm 2022.

Giá trị cốt lõi

Đồng thuận - Tận tâm - Chuẩn mực - Sáng tạo.

Chương 2 KHOA CÔNG NGHỆ

Là một trong những khoa lớn của trường Đại học Cần Thơ, Khoa Công nghệ chịu trách nhiệm đào tạo các ngành kỹ thuật công nghệ, hợp tác quốc tế, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

Sứ mệnh

Sứ mệnh của Khoa Công Nghệ là:

- Đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật, công nghệ chất lượng cao,
- Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ sự phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long và Việt Nam,
- Đảm nhận, thực hiện trách nhiệm xã hội và các dịch vụ cộng đồng.

Tầm nhìn

Đến năm 2022, Khoa Công Nghệ sẽ trở thành một trong những đơn vị đào tạo, nghiên cứu và sáng tạo hàng đầu về kỹ thuật, công nghệ của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

Mục tiêu giáo dục

Đào tạo và bồi dưỡng nhân lực lĩnh vực kỹ thuật công nghệ trình độ cao; nghiên cứu khoa học và công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

Đào tạo người học phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có tri thức, kỹ năng, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp; có khả năng nắm bắt tiến bộ khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo, khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp, có ý thức phục vụ cộng đồng.

Cơ cấu tổ chức

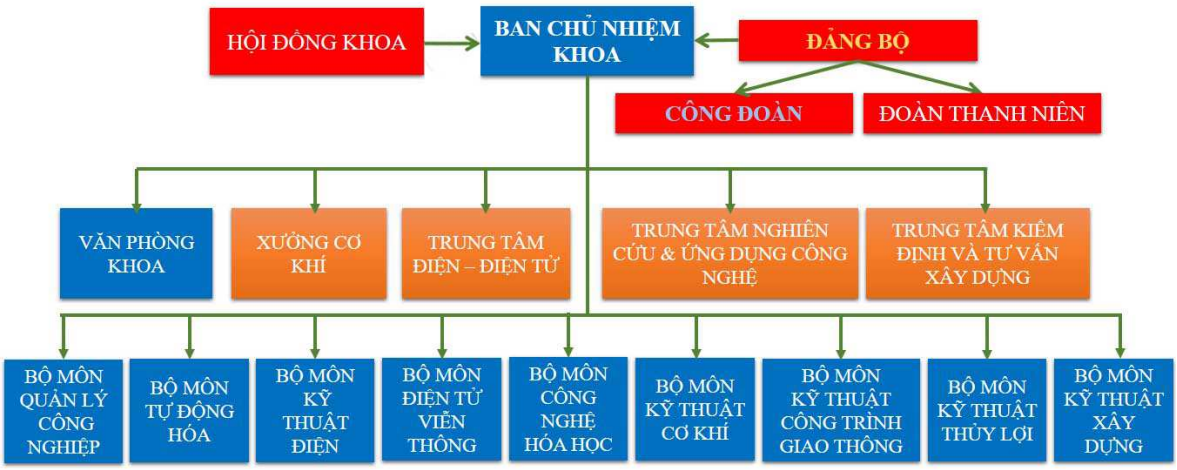

Nguồn lực

1. Nhân lực

Xây dựng đội ngũ cán bộ là mối quan tâm hàng đầu của Khoa. Hiện nay Khoa có tổng số 176 cán bộ, trong đó:

Cán bộ giảng dạy: 146. Cán bộ hỗ trợ: 30
Về học hàm: 7 Phó giáo sư
Về học vị:
Tiến sĩ: 60
Thạc sĩ: 85
Đại học: 15
Trình độ khác: 16
Lực lượng giảng viên:
Giảng viên cao cấp (hạng I): 8
Giảng viên chính (hạng II): 36
Giảng viên (hạng III): 111
(Cập nhật 19/11/2020)

2.Cơ sở vật chất

Khoa rất chú trọng đầu tư cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Hiện nay Khoa có:

- 01 thư viện chuyên ngành với 9505 đầu sách và 285 máy tính công
- 08 phòng học, 03 phòng chuyên đề và 01 hội trường với đầy đủ trang thiết bị hổ trợ giảng dạy
- 55 phòng thí nghiệm với trang thiết bị đồng bộ
- 05 phòng máy tính
- 01 xưởng cơ khí
- 01 không gian sáng chế

Chương 3 BỘ MÔN TỰ ĐỘNG HÓA

Bộ môn Tự Động Hóa được thành lập từ tháng 3 năm 2008 dựa trên cơ sở chia sẻ nguồn nhân lực và cơ sở vật chất từ hai bộ môn: Kỹ thuật Cơ khí thuộc Khoa Công nghệ và Viễn thông & Kỹ thuật Điều khiển thuộc khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông.

Hiện tại Bộ môn tự động hóa chịu trách nhiệm hai chương trình đại học chuyên ngành Kỹ thuật Tự động hóa & Kỹ thuật điều khiển và chuyên ngành Kỹ thuật Cơ điện tử, chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Kỹ thuật Tự động hóa & Kỹ thuật điều khiển. Bộ môn gồm có 20 viên chức, bao gồm 20 cán bộ học thuật (giảng viên) và 01 cán bộ phục vụ. Bộ môn có 06 phòng thí nghiệm và 01 phòng thực hành được quản lý và điều hành bởi Khoa Công nghệ.

Là đơn vị trực thuộc của Khoa Công nghệ, Bộ môn có cùng mục tiêu với Khoa là đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật công nghệ cao về tự động hóa và cơ điện tử, thực hiện nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ liên quan đến lĩnh vực tự động hóa và cơ điện tử để phục vụ sự phát triển bền vững của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Thông tin cơ bản về Chương trình đào tạo đại học

- Tên chương trình đào tạo:	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa Kỹ thuật Cơ Điện Tử
- Chức danh tốt nghiệp:	Kỹ sư
- Năm mở ngành:	Năm 1992
- Hình thức đào tạo:	Chính quy
- Khối lượng kiến thức toàn khóa:	155 tín chỉ
- Thời gian đào tạo trung bình:	4,5 năm (9 học kỳ)
- Lần được kiểm định gần nhất:	
- Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt
- Tên Khoa/Viện quản lý:	Khoa Công nghệ
- Tên trường:	Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin cơ bản về Chương trình đào tạo sau đại học

*** Đào tạo trình độ thạc sĩ**

- Tên chương trình đào tạo:	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa
- Chức danh tốt nghiệp:	Thạc sĩ
- Năm mở ngành:	Năm 2013
- Hình thức đào tạo:	Chính quy
- Khối lượng kiến thức toàn khóa:	60 tín chỉ
- Thời gian đào tạo trung bình:	2 năm (4 học kỳ)

*** Đào tạo trình độ tiến sĩ**

- Tên chương trình đào tạo:	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa
- Chức danh tốt nghiệp:	Tiến sĩ
- Năm mở ngành:	Năm 2019
- Hình thức đào tạo:	Chính quy
- Khối lượng kiến thức toàn khóa:	Tùy thuộc NCS đã tốt nghiệp Thạc sĩ hay kỹ sư
- Thời gian đào tạo trung bình:	3 năm (6 học kỳ) đối với NCS có bằng thạc sĩ 5 năm (10 học kỳ) đối với NCS cói có bằng kỹ sư

Sơ đồ tổ chức

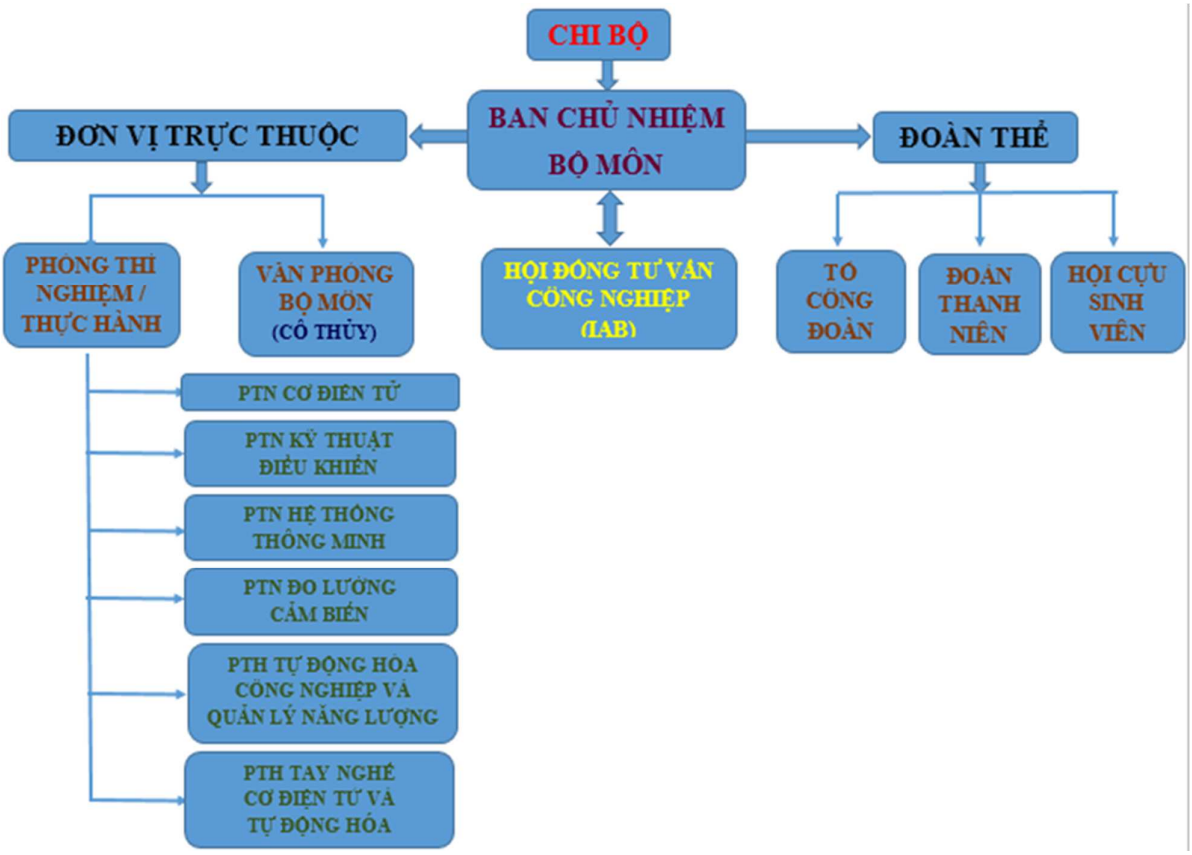

Danh sách nhân sự của Bộ môn TĐH

Họ tên	Email
1. PGS.TS. Nguyễn Chí Ngôn, Trưởng khoa	ncngon@ctu.edu.vn
2. CN. Nguyễn Thị Thanh Thủy, Quản lý phòng thí nghiệm	ntthanhthuy@ctu.edu.vn
3. TS. GVC. Trần Thanh Hùng, Phó Trưởng khoa	tthung@ctu.edu.vn
4. TS. GV. Nguyễn Văn Mướt	nvmuot@ctu.edu.vn
5. TS. GVC. Trương Quốc Bảo, Phó Trưởng Bộ môn	tqbao@ctu.edu.vn
6. ThS. GV. Nguyễn Thanh Nhã, Tổ phó công đoàn	ntnha@ctu.edu.vn
7. TS. GVC. Nguyễn Hoàng Dũng, Trưởng Bộ môn	hoangdung@ctu.edu.vn

8. ThS. GV. Nguyễn Khắc Nguyên, Trưởng phòng thực hành	nknguyen@ctu.edu.vn
9. TS. GVC. Nguyễn Chánh Nghiệm, Phó Trưởng Bộ môn	ncnghiem@ctu.edu.vn
10. TS. GV. Nguyễn Văn Khanh	vankhanh@ctu.edu.vn
11. ThS. GV. Trần Lê Trung Chánh, Trưởng phòng thực hành	tltchanh@ctu.edu.vn
12. ThS. NCS. Lý Thanh Phương	ltphuong@ctu.edu.vn
13. ThS. NCS. Nguyễn Huỳnh Anh Duy	nhaduy@ctu.edu.vn
14. TS. NC sau TS. Cao Hoàng Long	chlong@ctu.edu.vn
15. TS. GV. Lưu Trọng Hiếu	lthieu@ctu.edu.vn
16. ThS. NCS. Trần Nhựt Thanh	nhutthanh@ctu.edu.vn
17. ThS. NCS. Phạm Trần Lam Hải	ptlhai@ctu.edu.vn
18. TS. NC sau TS. Trần Trọng Hiếu	tronghieu@ctu.edu.vn
19. TS. NC sau TS. Ngô Trúc Hưng	truchung@ctu.edu.vn
20. ThS. GV. Phan Hồng Toàn	phtoan@ctu.edu.vn

PHẦN II

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ KẾ HOẠCH HỌC TẬP NGÀNH CƠ ĐIỆN TỬ

Chương 4 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CƠ ĐIỆN TỬ

Ngành học: **Kỹ thuật cơ - điện tử** (Mechatronic Engineering)
Mã ngành: 52520114 Hệ đào tạo: Chính quy
Thời gian: 4,5 năm Danh hiệu: Kỹ sư
Đơn vị quản lý: Bộ môn Tự động hóa - Khoa Công nghệ

Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Cơ điện tử là chuẩn bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng chuyên môn, để sau khi ra trường sinh viên có thể làm việc hiệu quả như một kỹ sư trong các công ty công nghiệp, thương mại, dịch vụ, đào tạo, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ; có khả năng tiếp tục học tập hoặc nghiên cứu nâng cao trình độ trong lĩnh vực cơ điện tử. Chương trình nhằm đào tạo ra kỹ sư ngành Kỹ thuật Cơ điện tử:

- Có phẩm chất chính trị và đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khoẻ, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- Vận dụng các kiến thức về cơ khí, điện tử, điều khiển, lập trình và các kỹ năng để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực cơ điện tử.
- Có khả năng tích hợp và sử dụng các hệ thống hoặc các công cụ kỹ thuật hiện đại để thiết kế, phát triển và chế tạo sản phẩm.
- Có khả năng làm việc hiệu quả trong nhóm chuyên ngành cũng như đa ngành; có khả năng đọc hiểu tài liệu chuyên ngành và giao tiếp bằng tiếng Anh; có ý thức và khả năng học tập suốt đời.

Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Cơ điện tử, sinh viên có kiến thức, kỹ năng và thái độ như sau:

Kiến thức

Khối kiến thức giáo dục đại cương

- Có kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin; đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh, có sức khỏe, có kiến thức về giáo dục quốc phòng đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- Có kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.
- Có kiến thức cơ bản về tiếng Anh/tiếng Pháp tương đương trình độ A Quốc gia.
- Có kiến thức cơ bản về máy tính, các phần mềm văn phòng và các phần mềm cơ bản khác.

Khối kiến thức cơ sở ngành

- Có kiến thức tổng quát và các kỹ năng làm việc trong nhóm ngành kỹ thuật.
- Có kiến thức cơ bản về phân tích và thiết kế hệ thống.
- Có kiến thức căn bản về các loại vật liệu cơ khí, nguyên lý hoạt động của các cơ cấu và chi tiết máy.
- Có kiến thức căn bản về linh kiện điện tử và mạch điện tử.
- Có kiến thức cơ bản về lập trình và phương pháp lập trình.

Khối kiến thức chuyên ngành

- Có kiến thức nâng cao về mạch điện tử và ứng dụng trong một số lĩnh vực.
- Có kiến thức chuyên sâu về lập trình và giao tiếp thiết bị.
- Có kiến thức về khảo sát và phân tích động lực học của hệ thống.

- Có kiến thức về các loại thiết bị đo lường và cơ cấu chấp hành cơ điện tử.
- Có kiến thức chuyên sâu về thiết kế các bộ điều khiển kinh điển và hiện đại.
- Có kiến thức tổng hợp về các mạch điện tử, cơ cấu chấp hành, giải thuật điều khiển và phương pháp lập trình cho hệ thống cơ điện tử.

Kỹ năng

Kỹ năng cứng

- Thiết kế thí nghiệm để đánh giá đặc tính của một hệ thống cơ điện tử hoặc một bộ phận với một khía cạnh cụ thể.
- Xác định, mô tả và giải quyết các vấn đề kỹ thuật.
- Sử dụng các kỹ thuật, kỹ năng và công cụ kỹ thuật hiện đại cần thiết cho thực hành kỹ thuật.
- Thiết kế một hệ thống cơ điện tử, một bộ phận, hay một quy trình để đáp ứng nhu cầu đặt ra với các ràng buộc thực tế cho phép.

Kỹ năng mềm

- Đạt trình độ Tiếng Anh/Tiếng Pháp tương đương trình độ B1.
- Làm việc độc lập và làm việc trong các nhóm chuyên ngành cũng như đa ngành.
- Viết tài liệu mô tả kỹ thuật, báo cáo khoa học hay viết dự án, có kỹ năng trình bày và thuyết trình.
- Học tập suốt đời.

Thái độ

- Thể hiện sự tự tin, lòng nhiệt tình, niềm đam mê, sự thích nghi đối với những thay đổi, sự sẵn sàng và khả năng làm việc độc lập, sự sẵn sàng làm việc với người khác, biết xem xét và chấp nhận các quan điểm khác.

- Thể hiện đúng đạo đức nghề nghiệp của ngành nghề mình theo đuổi, nhận thức được vị trí, vai trò tầm quan trọng của các tiêu chuẩn và nguyên tắc về đạo đức của mình, có thái độ đúng mực với những sai lầm của mình.
- Luôn xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp trong công việc và ứng xử hằng ngày, tạo một phong cách làm việc chuyên nghiệp.
- Chủ động lên kế hoạch phát triển nghề nghiệp cho bản thân.
- Luôn luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực chuyên ngành của mình để có thái độ ứng xử cũng như xử lý những thay đổi, cập nhật mới một cách phù hợp, hiệu quả.

Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Trở thành nghiên cứu viên, giảng viên trong lĩnh vực Cơ điện tử ở các Viện, Trung tâm nghiên cứu và các trường đại học, cao đẳng, nghề.
- Kỹ sư nghiên cứu, thiết kế, tư vấn kỹ thuật và bảo trì trong lĩnh vực cơ điện tử ở các công ty, xí nghiệp, …
- Kỹ sư quản lý, khai thác vận hành và triển khai các dự án thuộc lĩnh vực cơ điện tử, kỹ thuật điều khiển ở các cơ quan, nhà máy sản xuất.

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Tự học và nghiên cứu suốt đời
- Học sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) trong và ngoài nước.

Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà đơn vị tham khảo

- Chương trình đào tạo ngành Cơ điện tử của các trường: Đại học Bách khoa Tp. Hồ Chí Minh, Đại học Bách Khoa Hà Nội.
- Accreditation Board for Engineering and Technology, *ABET Self-Study Questionnaire: Template for a Self-Study Report, Engineering Accreditation Commission, 2013*.

Chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện
Khối kiến thức Giáo dục đại cương									
1	QP003	Giáo dục quốc phòng – An ninh 1 (*)	3	3		45		Bố trí theo nhóm ngành	
2	QP004	Giáo dục quốc phòng – An ninh 2 (*)	2	2		30		Bố trí theo nhóm ngành	
3	QP005	Giáo dục quốc phòng – An ninh 3 (*)	3	3		30	45	Bố trí theo nhóm ngành	
4	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90		I, II, III
5	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4			60			I, II, III

6	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3		10 TC nhóm AV hoặc nhóm PV	45		XH023	I, II, III
7	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024	I, II, III
8	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025	I, II, III
9	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031	I, II, III
10	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032	I, II, III
11	XH004	Pháp văn căn bản 1 (*)	3			45			I, II, III
12	XH005	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		XH004	I, II, III
13	XH006	Pháp văn căn bản 3 (*)	4			60		XH005	I, II, III
14	FL004	Pháp văn tăng cường 1 (*)	3			45		XH006	I, II, III
15	FL005	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45		FL004	I, II, III
16	FL006	Pháp văn tăng cường 3 (*)	4			60		FL005	I, II, III
17	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15			I, II, III
18	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		I, II, III
19	ML009	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2	2		30			I, II, III
20	ML010	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	3		45		ML009	I, II, III
21	ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML010	I, II, III
22	ML011	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3		45		ML006	I, II, III
23	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30			I, II, III
24	ML007	Logic học đại cương	2		2	30			I, II,III
25	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam				30			I, II,III
26	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30			I, II,III
27	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			I, II,III
28	XH028	Xã hội học đại cương	2			20	20		I, II,III
29	KN001	Kỹ năng mềm	2			30			I, II,III
30	TN001	Vi - Tích phân A1	3	3		45			I, II, III
31	TN002	Vi - Tích phân A2	4	4		60		TN001	I, II, III
32	TN012	Đại số tuyến tính và hình học	4	4		60			I, II, III
33	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45			I, II, III
34	TN048	Vật lý đại cương	3	3		45			I, II, III
35	TN019	Hóa học đại cương	3	3		45			I, II, III
Cộng: 58 TC (Bắt buộc 43 TC; Tự chọn: 15 TC)									
Khối kiến thức cơ sở ngành									
36	CN100	Nhập môn kỹ thuật	2	2		15	30		I, II
37	CT138	Toán kỹ thuật	2	2		30		TN002, TN012	I, II
38	CN136	Cơ lý thuyết - CK	3	3		30	30	TN048	I, II
39	CN142	Cơ học máy	3	3		30	30	CN136	I, II
40	CN132	Hình họa và vẽ kỹ thuật - CK	3	3		30	30		I, II

41	CN139	Nhiệt động lực học và truyền nhiệt	3	3		30	30	TN048	I, II
42	CN137	Sức bền vật liệu - CK	3	3		30	30	CN136	I, II
43	CN138	Dung sai và kỹ thuật đo	2	2		20	20	CN132	I, II
44	CN145	Cơ sở thiết kế máy	3	3		30	30	CN137	I, II
45	CN099	Linh kiện điện tử căn bản	2	2		20	20	TN048	I, II
46	CN583	Mạch điện tử - CĐT	3	3		30	30	CN099	I, II
47	CT131	Lập trình căn bản – Điện tử	3	3		30	30	TN033	I, II
48	CN128	Kỹ thuật điện	2	2		20	20	TN048	I, II
49	CN578	Kỹ thuật số - CĐT	3	3		30	30	CN099	I, II
50	CN425	Vật liệu và công nghệ kim loại	3	3		35	20		I, II
51	CN162	TT. Công nghệ kim loại cơ bản	3	3			90	CN425	I, II
Cộng: 43 TC (Bắt buộc 43 TC; Tự chọn: 0 TC)									

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện
Khối kiến thức chuyên ngành									
52	CT395	Điện tử công suất và ứng dụng	2	2		30		CN583	I, II
53	CT396	TT. Điện tử công suất và ứng dụng	1	1			30	CT395	I, II
54	CN341	Matlab và Labview	3	3		30	30	TN033, TN012	I, II
55	CT377	Lý thuyết điều khiển tự động	3	3		40	10	CT138	I, II
56	CT378	Cảm biến và chuyển năng	2	2		20	20	CN583	I, II
57	CN579	Điều khiển logic có thể lập trình (PLC)	3	3		30	30	CN578	I, II
58	CN580	Lý thuyết điều khiển hiện đại	3	3		30	30	CT377	I, II
59	CT441	Đồ án kỹ thuật điện tử	2	2			60	CN581, CN583	I, II
60	CT380	Kỹ thuật Robot	3	3		30	30	CN341	I, II
61	CN581	Kỹ thuật vi điều khiển - TĐH	3	3		30	30	CN578	I, II
62	CN416	Thiết kế hệ thống cơ điện tử	2	2		30		CT378, CN582, CN581	I, II
63	CN516	Đồ án thiết kế hệ thống cơ điện tử	2	2			60	CN416	I, II
64	CN582	Cơ cấu chấp hành cơ điện tử	3	3		30	30	CN128, CT395	I, II
65	CT397	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	3	3		30	30	CT378	I, II
66	CN295	TT. Ngành nghề cơ điện tử	2	2			60		III
67	CN159	Anh văn chuyên môn cơ điện tử	2		7	30		XH025	I, II
68	XH019	Pháp văn chuyên môn KH&CN	2			30		XH006	I, II
69	CN414	Quản lý kỹ thuật bảo trì công nghiệp	2			20	20		I, II
70	CT400	Chuyên đề kỹ thuật điều khiển	2				60		I, II

71	CN298	Mạng công nghiệp và truyền thông	2			20	30		I, II
72	CT409	Lập trình nhúng	3			30	30		I, II
73	CT376	Điện tử công nghiệp	3			30	30		I, II
74	CN272	Khí cụ điện	2			25	10		I, II
75	CN392	CAD, CAM, CNC	3			30	30		I, II
76	CN394	Tự động hóa sản xuất công nghiệp	2			30			I, II
77	CN563	Thiết kế và phân tích thí nghiệm	3			30	30		I, II
78	CT384	Mạng nơ-ron nhân tạo	3			30	30	CT377	I, II
79	CN477	Luận văn tốt nghiệp - Cơ điện tử	10				300	≥ 120 TC	I, II
80	CN476	Tiểu luận tốt nghiệp - Cơ điện tử	4				120	≥ 120 TC	I, II
81	CT398	Điều khiển mờ	2			20	20	CT377	I, II
82	CN149	Truyền động thủy lực và khí nén	2			20	20		I, II
83	CN150	Phương pháp phần tử hữu hạn	2			30			I, II
84	CN189	Cơ học lưu chất - CK	2		10	20	20		I, II
85	CN297	Tối ưu hóa và quy hoạch tuyến tính	2			30			I, II
86	CN401	Dao động cơ học	2			20	20		I, II
87	CN408	Quản lý sản xuất công nghiệp	2			20	20		I, II
88	CN442	Điện công nghiệp	2			20	20	CN128	I, II
89	CN449	Kinh tế kỹ thuật	2			20	20		I, II
Cộng: 54 TC (Bắt buộc: 37 TC; Tự chọn: 17 TC)									
Tổng cộng: 155 TC (Bắt buộc: 123 TC; Tự chọn: 32 TC)									

- (*): *là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường hoặc học tích lũy.*

Chương 5
KẾ HOẠCH HỌC TẬP
NGÀNH KỸ THUẬT CƠ - ĐIỆN TỬ

Ngành học: **Kỹ thuật cơ - điện tử** (Mechatronic Engineering)
Mã ngành: 52520114 Hệ đào tạo: Chính quy
Thời gian: 4,5 năm Danh hiệu: Kỹ sư
Đơn vị quản lý: Bộ môn Tự động hóa - Khoa Công nghệ

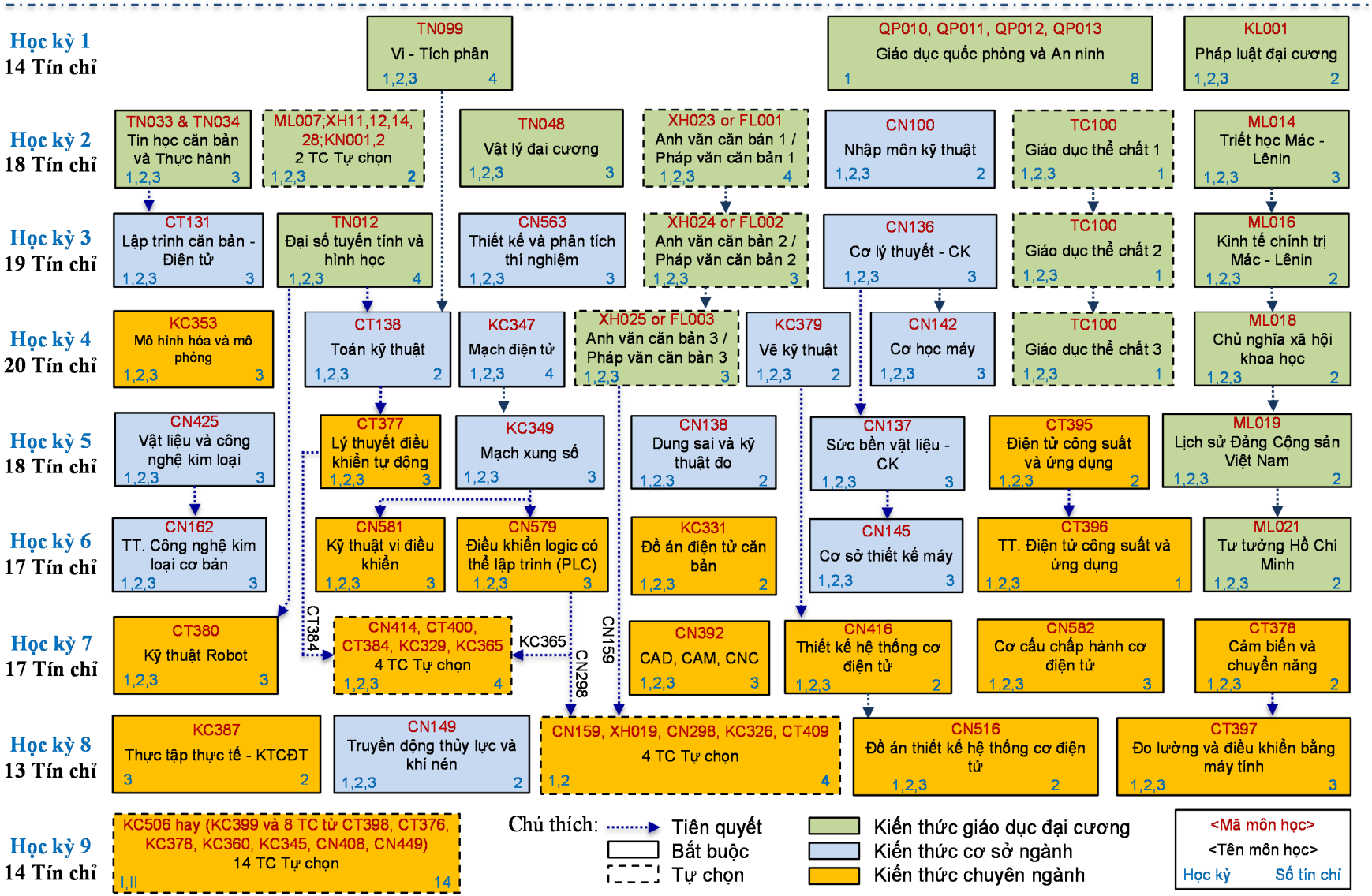

Ghi chú: *Học phần TT. Thực tế - KTCĐT (KC387) chỉ tổ chức trong HK 3 của năm học (sau Học kỳ 6 hoặc Học kỳ 8).*

PHẦN III

TƯ VẤN SINH VIÊN VÀ CÁC ĐIỂM CẦN LƯU Ý

Chương 6 TƯ VẤN SINH VIÊN

Chương trình đào tạo sinh viên ngành Cơ điện tử có các định hướng nào?

- Nghiên cứu, thiết kế các ý tưởng sáng tạo, các hệ thống điều khiển tự động.
- Nghiên cứu, thiết kế các hệ thống cơ điện tử hỗ trợ các lĩnh vực ứng dụng thực tế như Nông nghiệp, Thủy sản và Môi trường.
- Nghiên cứu ứng dụng Smarthome và IoTs.
- Nghiên cứu ứng dụng trong y học.
- Nghiên cứu Robotics và ứng dụng.
- Nghiên cứu các hệ thống điều khiển giám sát.

Tổ chức, cơ quan, công ty tuyển dụng sinh ngành Cơ điện tử

- Kỹ sư nghiên cứu, thiết kế, tư vấn kỹ thuật trong lĩnh vực cơ điện tử tại các doanh nghiệp nhà nước và liên doanh.
- Kỹ sư quản lý, khai thác vận hành và triển khai các dự án thuộc lĩnh vực cơ điện tử tại các doanh nghiệp nhà nước và liên doanh.

Ngành Cơ điện tử khác với các ngành Cơ khí và Điện tử như thế nào?

Ngành Kỹ thuật cơ khí và ngành Kỹ thuật cơ điện tử thuộc khoa học chế tạo máy và khoa học điện tử. Cả hai ngành học đều yêu cầu sinh viên phải có nền tảng tốt về toán học và vật lý và cung cấp cho sinh viên những kiến thức để thiết kế những sản phẩm máy móc công nghệ cao phục vụ cho cuộc sống của con người.

Tuy nhiên, ngành kỹ thuật cơ điện tử học về thiết kế, chế tạo và tự động hóa trong các hệ thống sản xuất công nghiệp. Nhưng ngành kỹ thuật cơ điện tử áp dụng mạnh mẽ khoa học kỹ thuật tiên tiến như lập trình, tự động hóa, kỹ thuật điện kết hợp với chế tạo máy móc để tạo ra thiết bị tiên tiến dễ sử dụng. Trong khi đó, ngành kỹ thuât cơ khí sử dụng kiến thức vật lý và khoa học trong việc phân tích, thiết kế, sản xuất và bảo trì các thiết bị cơ khí và hệ thống máy móc.

Vị trí việc làm của Kỹ sư Cơ điện tử là gì?

- Nghiên cứu viên, giảng viên trong lĩnh vực Viện, Trung tâm nghiên cứu và các trường đại học, cao đẳng, nghề có nghiên cứu và đào tạo về lĩnh vực cơ điện tử.
- Kỹ sư nghiên cứu, thiết kế, tư vấn kỹ thuật và bảo trì trong lĩnh vực cơ điện tử ở các công ty, xí nghiệp, …
- Kỹ sư quản lý, khai thác vận hành và triển khai các dự án thuộc lĩnh vực cơ điện tử, kỹ thuật điều khiển ở các cơ quan, nhà máy sản xuất.

Sinh viên tốt nghiệp ngành Cơ điện tử có thể làm việc ở đâu?

- Khu công nghệ cao, khu công nghiệp, các công ty chuyên thiết kế sản xuất thiết bị linh kiện và các nhà máy sử dụng thiết bị tự động vào sản xuất hang tiêu dùng.
- Các doanh nghiệp thiết kế, lập trình các mảng liên quan đến hệ thống điều khiển.

Sinh viên ngành Cơ điện tử cần bổ sung những môn học và kiến thức gì để chuyển sang các ngành khác trong nhóm ngành Kỹ thuật điện tử viễn thông?

Sinh viên có thể đăng ký học một số học phần tự chọn trong chương trình Cơ điện tử có liên quan đến các chuyên ngành khác. Ví dụ, sinh viên có thể đăng ký học các môn như Lý thuyết mạch, Mạch số, Cấu trúc máy tính, Cơ sở viễn thông, Truyền dữ liệu. Sinh viên có thể tìm đề tài khóa luận, tiểu luận thuộc các lĩnh vực trong các chuyên ngành mà sinh viên quan tâm.

Các khó khăn trong học tập thường gặp phải là gì?

Khi sự háo hức ban đầu mới lên học Đại học qua đi, sinh viên sẽ phải đối mặt với nhiều trở ngại sau đó. Ngoài những khó khăn như sống xa gia đình, tiền bạc thì những khó khăn của sinh viên còn nhiều vấn đề khác cần nói đến.

Khi bước chân vào đại học, sinh viên sẽ bắt đầu một cuộc sống mới, cuộc hành trình mới sống tự lập và trải nghiệm bản thân, chuẩn bị những nền tảng vững chắc cho tương lai. Hầu hết tất cả học sinh, sinh viên đều có chung những khó khăn khi chưa kịp chuẩn bị tinh thần cho những thách thức mới tại trường đại học. Cần thêm một khoảng thời gian để có thể thích ứng với cuộc sống mới. Nếu muốn hành trình này trải qua thuận lợi thì nhiều sinh viên phải chuẩn bị tốt hơn cả về tinh thần và kỹ năng để trải qua những vấn đề gặp thường xuyên đó tại môi trường đại học.

Những khó khăn thường gặp của sinh viên

- *Điều chỉnh cuộc sống mới:*

Năm đầu tiên đi học đại học sinh viên luôn gặp phải khó khăn ban đầu trong việc điều chỉnh cuộc sống mới theo giờ giấc học tập mới, ăn nghỉ khác thời gian ở nhà. Nhiều bạn sẽ cảm thấy xa lạ vì sự khác nhau giữa môi trường đại học và học phổ thông, có quá nhiều sự khác biệt trong học tập và trong cuộc sống. Tất cả các vấn đề từ học tập đến thói quen sinh viên sẽ phải tự chủ động điều chỉnh và sống phù hợp với môi trường bậc đại học.

Sinh viên ít được tiếp xúc với những kiến thức về kinh tế, xã hội, đến khi lên đại học cùng một lúc phải học tất cả các kiến thức mới mà học sinh không được học ở bậc phổ thông. Nhiều thói quen bị đảo lộn mà nhiều sinh viên đã không thích ứng được với điều kiện học tập mới nên đã bỏ cuộc.

Tuy nhiên, sinh viên đừng quá lo lắng về điều này vì chỉ sau một thời gian thích nghi sinh viên sẽ sớm làm quen được với cuộc sống mới và thay đổi mới. Quan trọng là sinh viên cần dành thời gian để tìm hiểu về cuộc sống mới và từ đó thích nghi với những thay đổi để có sự điều chỉnh bản thân cho phù hợp. Khi đó vấn đề trở nên nhẹ nhàng hơn rất nhiều, sinh viên sẽ dần cảm nhận khoảng thời gian đại học có rất nhiều điều thú vị và bản thân cũng phát triển được nhiều kiến thức cũng như kỹ năng khi học đại học.

- *Khó khăn trong việc chi tiêu:* Đây là vấn đề đầu tiên mà hầu như sinh viên nào cũng gặp phải nhất là những bạn sinh viên năm nhất. Ngoài việc cất tiền cẩn thận bạn còn phải chi

tiêu ra sao, cân đo đong đếm như thế nào cho vừa phải để đủ những khoản chi tiêu trong tháng. Tránh gặp phải tình cảnh đầu tháng chi tiêu quá mức và cuối tháng phải cầm cự bằng "mì tôm".

- *Học tập:* Ở bậc học phổ thông, học sinh sẽ ghi chép bài theo ý thầy cô giảng dạy và làm bài tập về nhà, phải học bài để đầu giờ hôm sau lên trả bài. Ở bậc đại học, sinh viên phải biết lên kế hoạch, sắp xếp thời gian học tập, tự học. Chính vì vậy, sinh viên cũng gặp phải không ít khó khăn như trong quá trình học, tự học, tự tìm tài liệu trên mạng hoặc hỏi bạn bè mà ít khi được thầy cô "cầm tay chỉ việc" như học sinh phổ thông.

- *Thi cử:* Ở bậc đại học, mức độ căng thẳng của kiểm tra giữa kỳ, thi học kỳ rất cao, nếu dưới 4/10 điểm sẽ phải học lại nên các sinh viên mỗi kỳ thi lại bắt đầu căng não nhồi nhét kiến thức.

- *Mục tiêu học tập:* Ở bậc học đại học, mục tiêu học tập cần đạt chính là kỹ năng cần thiết, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, chứ không phải là điểm số. Chính vì vậy sinh viên cần phải biết lên kế hoạch, sắp xếp thời gian học tập, tự học, để có được kỹ năng cần thiết.

- *Nhớ nhà:* Hầu hết sinh viên đều sẽ có chung cảm giác nhớ nhà vào những ngày đầu đại học, những ai quê xa còn phải xa nhà trong một khoảng thời gian dài. Bởi vậy, sinh viên rất cần có những người bạn cùng khoa, cùng lớp và cùng phòng trọ để giúp bạn mau quên đi nỗi nhớ nhà. Thông qua facebook, sinh viên có thể liên lạc với gia đình bằng điện thoại, máy tính. Khó khăn sẽ sớm qua đi.

- *Làm thân với bạn mới:* Ở môi trường đại học, sinh viên đến từ mọi miền đất nước, hoàn cảnh khác nhau, sinh viên không phải muốn kết bạn là sẽ kết thân được. Người bạn có thể chia sẻ được phải là người hiểu mình, quan tâm nhau và có tiếng nói quan điểm chung. Sinh viên có thể tìm kiếm cho mình những người bạn hoặc nhóm bạn mới thông qua câu lạc bộ, lớp học thêm,...thực tế có rất nhiều sinh viên cũng đã tìm được cho mình người bạn chân thành với mình thời học đại học.

- *Rèn luyện sự tự lập:* Sinh viên nên tạo cho mình thói quen đi học đúng giờ, không được bỏ học, tự giác học tập do không có sự giám sát từ cha mẹ và gia đình. Đây là một thói quen tốt kể cả sau này sinh viên đi làm cũng phải giữ được đức tính kỷ luật này.

- *Vấn đề nhà ở :* Sinh viên có thể ở trọ tại ký túc xá của các Trường hoặc sẽ thuê trọ ở bên ngoài. Tuy nhiên sinh viên rất khó khăn để tìm cho mình nơi ở phù hợp giá tiền và gần chỗ học, có an ninh bảo đảm, mức giá thuê, khoảng cách xa gần trường học, cơ sở vật chất.

- *Ngủ quên trên chiến thắng:* Nhiều sinh viên năm nhất đã từng nghĩ rằng lên học đại học là sướng vì không bị cha mẹ quản lý, được xả hơi sau chuỗi ngày ôn thi vất vả. Nhiều sinh viên cũng vì "ngủ quên trên chiến thắng", dành thời gian để chơi, xa đà vào ăn chơi, tiêu

tốn tiền bạc của cha mẹ, học hành sa sút, phải học lại và thi lại khi đó mới nhận ra và muốn quay trở lại thì không biết bắt đầu từ đâu.

- *Đối mặt với nhiều "cú sốc":* Sinh viên mới đều phải đối mặt với nhiều "cú sốc" do môi trường sống thay đổi, kiến thức mới, áp lực học tập dồn dập, phải thực tập, thực hiện đồ án, rèn luyện ngoại ngữ , kỹ năng mềm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

- *Bệnh tật:* Việc thay đổi chỗ ở, môi trường khí hậu, thời tiết, thức ăn dễ làm cho sinh viên không kịp thích nghi và mắc các bệnh như cảm sốt, đau họng, nhức đầu, rối loạn tiêu hóa. Để phòng bệnh tốt, sinh viên nên tự chuẩn bị một số kiến thức cơ bản, có sẵn thuốc cần thiết, để kịp thời xử lý trong những trường hợp không may xảy ra.

- *Sắp xếp thời gian giữa việc học và làm thêm:*

Thời gian mới lên đại học, rất nhiều sinh viên dành nhiều thời gian vào các hoạt động ngoại khóa mới mẻ mà quên nhiệm vụ chính là học tập. Chính vì vậy, sinh viên cần sắp xếp thời gian phù hợp cho những hoạt động tại trường. Khi học đại học sự tự do vừa là cơ hội nhưng cũng là thách thức không nhỏ cho sinh viên, tự do nhưng không có nghĩa là tùy tiện để gây hậu quả thật khó lường. Sinh viên phải biết suy nghĩ và điều chỉnh thời gian hợp lý cho bản thân để tránh đi quá xa vào lối sống hao tốn thời gian vô ích. Sinh viên nên sắp xếp thời gian hợp lý để không ảnh hưởng học tập

Quản lý thời gian một cách khoa học và hợp lý sẽ giúp sinh viên cân bằng được giữa việc học và những hoạt động ngoại khóa và sinh hoạt cá nhân. Khi có một kế hoạch học tập và làm bài, sinh viên hãy dành thời gian cụ thể để hoàn thành nó rồi làm việc khác tránh giảm bớt căng thẳng và làm chủ được những công việc của mình.

Giải pháp khắc phục những khó khăn trong cuộc sống của sinh viên

- *Chủ động kết bạn với mọi người:* Sinh viên cần chủ động kết bạn và hòa đồng với các bạn sinh viên khác trong lớp để trao đổi, thảo luận bài tập cũng như chia sẻ cuộc sống. Tốt nhất sinh viên nên làm quen mọi người khi mới vào lớp học để có người chia sẻ quan điểm học tập.

- *Không nên thức quá khuya:* Sinh viên cần giữ sức khỏe cho cơ thể, không nên thức quá khuya và sa đà vào thức quá khuya vào những trò game trên điện thoại, máy tính, mạng xã hội. Không có cha mẹ quản lý, sinh viên nên tự biết chăm sóc bản thân và có ý thức tự giác trong quản lý thời gian.

- *Đừng ngại hỏi hay nhờ giúp đỡ:* Sinh viên đừng ngần ngại khi đặt câu hỏi cho giảng viên hay bạn bè trong lớp vì kiến thức đại học rất rộng và khác, chương trình học cũng rất nhiều kiến thức khó. Cách tốt nhất để sinh viên theo kịp bài giảng bằng cách hỏi hoặc nhờ sự giúp đỡ từ giảng viên, bạn bè trong lớp.

- *Cân đối chi tiêu cho bản thân:* Sinh viên nên cân đối chi tiêu hợp lý cũng như học cách tiết kiệm hàng tháng khi gia đình chu cấp để không xảy ra tình trạng thiếu hụt. Nếu sống chung với xóm trọ nên tạo sự thân thiện với mọi người như học nhóm, nấu ăn chung, chia sẻ nguồn lực, tài nguyên.

- *Rèn luyện và chứng minh khả năng sống tự lập:*

Môi trường học đại học là cơ hội chosinh viên được rèn luyện và chứng minh khả năng sống tự lập. Sinh viên phải tự lập học tập, tự quản lý thời gian, chi tiêu, giao tiếp và tự kiếm tiền làm thêm nếu sắp xếp được. Tự lập sẽ giúp bạn có được một cuộc sống sinh viên ý nghĩa, đầy trưởng thành.

Đời sinh viên là quãng thời gian rất đẹp và ý nghĩa đối với những ai từng trải qua, dù có chút thiếu thốn nhưng sinh viên cần tập và tạo cho mình một thái độ lạc quan, rèn luyện sức chịu vất vả và trưởng thành. Đối mặt với cám dỗ, khó khăn và thử thách trong cuộc sống sinh viên sẽ góp phần trau dồi, rèn luyện bản thân các bạn ngày một trưởng thành, chín chắn hơn.

- *Đoàn thanh niên khoa công nghệ:* Đoàn thanh niên Khoa Công Nghệ là một đơn vị thuộc Khoa Công Nghệ. Đoàn thanh niên Khoa Công Nghệ tổ chức thành các Chi đoàn. Mỗi lớp sinh viên thành lập một Chi đoàn bao gồm các Đoàn viên trong lớp đó.

Xem chi tiết tại: http://www.cet.ctu.edu.vn/doan-thanh-nien.html

- *Nghiên cứu khoa học:*

Trong suốt quá trình học tập, sinh viên được sự hỗ trợ tốt nhất từ phía nhà Trường, Khoa, Giảng viên, để tham gia hoặc thực hiện các nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu các vấn đề mới, công nghệ mới nhằm:

- Nâng cao kiến thức chuyên ngành (kỹ năng cứng)
- Nâng cao kỹ năng mềm (làm việc nhóm, thuyết trình)
- Khả năng tự chủ, tự học tập, sáng tạo
- Tiếp cận công nghệ mới
- Đáp ứng nhu cầu xã hội, cơ hội tìm việc làm

- *Hỗ trợ học tập và tham quan thực tế:*

Trong suốt quá trình học tập, sinh viên được sự hỗ trợ tốt nhất từ phía nhà Trường, Khoa, Giảng viên. Điều kiện và môi trường học tập của sinh viên luôn được đảm bảo ở điều kiện thuận lợi nhất:

- Trung tâm học liệu (thư viện)
- Giáo trình bài giảng
- Không gian đọc
- Không gian sáng chế
- Hệ thống máy tính, kết nối mạng, internet, điện toán đám mây
- Hệ thống elcit (e-learning)

- Hướng dẫn học tập, rèn luyện, nghiên cứu khoa học
- Tham quan, thực tập thực tế, trao đổi ngắn hạn với các Trường trong khu vực như Thái Lan, Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc
- Khi đã tích lũy được từ 120 tín chỉ, sinh viên có thể đi thực tập thực tế 2 tháng ở công ty, cơ quan, tập đoàn, doanh nghiệp

- *Các kỹ năng sinh viên cần rèn luyện khi trở thành sinh viên:*

Dưới đây là một số kỹ năng cần thiết mà các bạn sinh viên cần rèn luyện trong suốt quá trình đào tạo:

- Kỹ năng thuyết trình
- Kỹ năng thuyết phục
- Kỹ năng làm việc nhóm
- Kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian cá nhân
- Kỹ năng tìm kiếm thông tin
- Kỹ năng soạn thảo văn bản
- Kỹ năng giải quyết vấn đề
- Ngoại ngữ

Chương 7 NHỮNG ĐIỂM QUAN TRỌNG LIÊN QUAN ĐẾN QUY CHẾ HỌC VỤ DÀNH CHO SINH VIÊN

Quy định đào tạo theo hệ thống tín chỉ

Quy chế đào tạo đại học chính quy

Trường ĐH Cần Thơ ban hành Quyết định số 2748/QĐ-ĐHCT, ngày 12/07/2019 của Hiệu trưởng về Quy định công tác học vụ dành cho sinh viên trình độ đại học hệ chính quy.

Xem chi tiết tại:

https://dsa.ctu.edu.vn/images/upload/vbanply/2019/Quychehocvu/01_QD2748_Quyet-dinh-ban-hanh-Quy-dinh-Cong-tac-hoc-vu-dai-hoc-he-chinh-quy_2019.pdf

Quy trình đăng ký môn học

Sinh viên cần thường xuyên theo dõi thông báo trên website của hệ thống đăng ký và các email thông báo thời điểm đăng ký học phần cho học kỳ mới.

Xem hướng dẫn đăng ký môn học tại:

https://www.youtube.com/watch?v=Z3EsqtiZtH4

Tín chỉ, tiết học và khối lượng chương trình đào tạo

Kiến thức của mỗi học phần và toàn khóa học được đo lường bằng tín chỉ (TC). Thời lượng của TC được quy định như sau:

- 1 TC = 15 tiết học lý thuyết và 30 tiết tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc 30 tiết thực hành, thí nghiệm, thảo luận, seminar... và 15 tiết tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc 45 tiết thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, niên luận, tiểu luận tốt nghiệp, luận văn tốt nghiệp.
- Một tiết học được tính bằng 50 phút
- Khối lượng chương trình đào tạo 4,5 năm là 156

Quy trình đăng ký học phần

Sinh viên dựa vào kế hoạch học tập (KHHTTK) và thời khóa biểu (TKB) các học phần giảng dạy trong học kỳ (HK) do Trường công bố để đăng ký học phần trực tuyến theo kế hoạch chung. Sau tuần lễ thứ 2 của HK, sinh viên vào hệ thống quản lý trực tuyến để in "Kết quả đăng ký học phần".

Lưu ý:

- Danh mục các học phần sẽ mở ở HK được quy định trong danh mục tra cứu (chương trình đào tạo (CTĐT) và được công bố 6 tuần trước khi bắt đầu HK.
- Danh mục các học phần đủ điều kiện tổ chức giảng dạy sẽ được công bố 1 tuần trước khi bắt đầu HK.
- Trong 1 tuần đầu của HK, sinh viên có thể xóa hoặc đăng ký bổ sung những học phần mới thay cho các học phần mà Trường không thể mở được. Sau thời gian trên, kết quả đăng ký học phần của sinh viên sẽ được cố định.
- Chậm nhất là tuần lễ thứ 8 của HK chính và tuần lễ thứ 2 của HK phụ nếu thấy việc học khó khăn có thể dẫn đến kết quả kém, sinh viên có thể rút bớt học phần đã đăng ký nhưng không được trả lại học phí. Muốn rút bớt học phần, sinh viên vào hệ thống quản lý trực tuyến của Trường để thực hiện. Những học phần đã rút sẽ nhận điểm W trong bảng điểm HK.
- Sinh viên đã đăng ký học phần nhưng không đi học hoặc không dự thi kết thúc học phần sẽ bị điểm F của học phần đó.

Xóa và mở thêm lớp học phần

Xóa lớp học phần: Trường sẽ xóa những lớp học phần có số lượng đăng ký ít hơn 25 sinh viên, những trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định. Trong tuần đầu HK, những sinh viên đã đăng ký các học phần bị xóa do không đủ điều kiện mở lớp được phép đăng ký học phần khác để thay thế (trừ các học phần thực hành, thí nghiệm, thực tập tại cơ sở, GDQP&AN, GDTC).

Mở thêm lớp học phần: trong thời gian quy định đăng ký học phần của HK, nếu có nhiều hơn 25 sinh viên có nguyện vọng học, được trưởng bộ môn và trưởng khoa quản lý học phần đó chấp thuận, Trường sẽ mở thêm lớp học phần theo đề nghị.

Đăng ký học lại

Các học phần có điểm F sẽ không được tích lũy. Nếu là học phần bắt buộc sinh viên phải đăng ký học lại những học phần này; nếu là học phần tự chọn, sinh viên có thể đăng ký học lại hoặc chọn học phần tự chọn khác.

Sinh viên có thể đăng ký học để cải thiện kết quả. Điểm của học phần sẽ là điểm cao nhất trong các lần học. Số tín chỉ của học phần học cải thiện bị điểm F sẽ không tính giảm một mức hạng tốt nghiệp.

Đối với học phần tự chọn, nếu sinh viên tích lũy số tín chỉ nhiều hơn yêu cầu của nhóm học phần tư chọn, khi xét tốt nghiệp sinh viên có thể lựa chọn học phần có điểm cao để tính vào ĐTBCTL.

Số tín chỉ đăng ký trong một học kỳ

Để đảm bảo tiến độ thời gian hoàn thành khóa học và đảm bảo chất lượng học tập, mỗi học kỳ sinh viên chỉ đăng ký với số lượng TC như sau:

- *Học kỳ chính:*

a) Sinh viên đăng ký học tối đa 20 TC. Những sinh viên chỉ còn lại ≤ 25 TC của CTĐT được đăng ký tối đa 25 TC.

b) Đối với HK đầu tiên, sinh viên không phải đăng ký học phần. Các học phần của HK này sẽ do Trường bố trí.

c) Sinh viên bị cảnh báo học vụ chỉ được phép đăng ký tối đa 14 TC.

- *Học kỳ phụ:*

Sinh viên đăng ký tối đa 8 TC. Trường không bắt buộc sinh viên phải học HK này.

Tuỳ theo năng lực học tập và điều kiện cá nhân, sinh viên nên đăng ký học với số TC phù hợp để đạt kết quả học tập tốt.

Giờ lên lớp

Sinh viên phải dự 100% số tiết đối với các học phần thực hành, thí nghiệm, thực tập tại cơ sở, GDQP&AN, GDTC; phải tham dự tối thiểu 80% số tiết đối với các học phần lý thuyết. SV vắng lên lớp nhiều hơn thời gian quy định sẽ bị cấm thi. Giảng viên (GV) giảng dạy học phần đề nghị trưởng khoa duyệt danh sách SV bị cấm thi và cho điểm F vào bảng điểm.

Vào buổi học đầu tiên, GV thông báo cho sinh viên biết đề cương chi tiết học phần (nội dung học phần, phương pháp giảng dạy, hình thức kiểm tra, đánh giá, cách tính điểm...).

Công tác giảng dạy, học tập được thực hiện 6 ngày/tuần (trừ Chủ nhật). Thời gian giảng dạy trong ngày được phân bố như bảng dưới đây:

BUỔI HỌC	TIẾT HỌC	GIỜ HỌC	THỜI GIAN NGHỈ
SÁNG	1	**07:00** – 07:50	Không
	2	07:50 – 08:40	10 phút
	3	08:50 - 09:40	10 phút
	4	09:50 - 10:40	Không
	5	10:40 – **11:30**	
CHIỀU	6	**13:30** – 14:20	Không
	7	14:20 – 15:10	10 phút
	8	15:20 – 16:10	Không
	9	16:10 – **17:00**	
	10	**Tiết nghỉ chung**	
TỐI	11	**18:20** – 19:10	Không
	12	19:10 – **20:00**	

Học cùng lúc hai chương trình

Trong quá trình học, sinh viên có thể học thêm một chương trình khác để lấy thêm văn bằng thứ hai (nếu có nhu cầu). Khi tích lũy đầy đủ những học phần theo chương trình thứ hai, sinh viên sẽ được cấp văn bằng của chương trình thứ hai.

1. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a) Ngành đào tạo ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo ở chương trình thứ nhất và không thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên.

b) Hoàn thành HK đầu tiên và có ĐTBCTL từ 2,00 trở lên.

c) Khoa quản lý chương trình thứ hai còn khả năng tiếp nhận thêm sinh viên.

2. Thủ tục đăng ký học thêm chương trình thứ hai:

a) Sinh viên đăng ký học chương trình thứ hai vào đầu mỗi HK chính (theo thông báo của Trường).

b) Khi có quyết định chấp thuận học cùng lúc hai chương trình, sinh viên tự nghiên cứu CTĐT của chương trình thứ hai và bổ sung các học phần cần phải học vào KHHTTK để đăng ký học phần.

c) Sau khi tốt nghiệp chương trình thứ nhất, sinh viên sẽ được chuyển về khoa quản lý chương trình thứ hai để quản lý và được bố trí Cố vấn học tập (CVHT) mới. Khoa quản lý chương trình thứ hai sẽ xét các học phần của CTĐT thứ hai được miễn do đã tích lũy ở CTĐT thứ nhất và sinh viên sẽ xây dựng kế hoạch học tập (KHHTTK) của CTĐT thứ hai dưới sự hướng dẫn của CVHT mới.

3. Sinh viên học cùng lúc hai chương trình chỉ được hưởng các chế độ quyền lợi đối với chương trình thứ nhất.

4. Tổng số TC cho phép đăng ký ở HK chính là 20 TC. Riêng HK cuối khóa học được phép đăng ký tối đa 25 TC.

5. Thời gian học cùng lúc hai chương trình được tính trong tổng thời gian học tối đa của chương trình thứ nhất. Sinh chỉ được công nhận tốt nghiệp đối với chương trình thứ hai sau khi đã được công
nhận tốt nghiệp chương trình thứ nhất.

6. Sinh viên đang học cùng lúc hai chương trình, nếu ĐTBCHK dưới 2,00 sẽ không được đăng ký học học phần thuộc chương trình thứ hai ở HK tiếp theo. Khi nào kết quả học tập được cải thiện mới được học tiếp chương trình thứ hai.

Đánh giá học phần

Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp thực hành: Điểm học phần được tính từ các điểm thành phần bao gồm: điểm bài tập, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thực hành, điểm đánh giá nhận thức, điểm tham gia thảo luận, điểm chuyên cần, điểm đồ án và điểm thi kết thúc học phần. Thi kết thúc học phần là bắt buộc và điểm phải có trọng số không dưới 50%.

Học phần thực hành: Điểm học phần được tính bằng điểm trung bình của các bài thực hành.

Hình thức đánh giá học phần, trọng số các điểm thành phần do giảng viên đề xuất, trưởng bộ môn, trưởng khoa quản lý học phần duyệt và công bố trong đề cương chi tiết học phần.

Điểm học phần

Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Điểm học phần là tổng số điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 và làm tròn đến một chữ số thập phân. Giảng viên phụ trách học phần nhập điểm vào hệ thống quản lý trực tuyến, hệ thống quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4. Cách quy đổi điểm được thực hiện theo bảng dưới đây:

Điểm số theo thang điểm 10	**Điểm chữ**	**Điểm số theo thang điểm 4**
9,0 – 10,0	A	4,0
8,0 – 8,9	B^+	3,5
7,0 – 7,9	B	3,0
6,5 – 6,9	C^+	2,5
5,5 – 6,4	C	2,0
5,0 – 5,4	D^+	1,5
4,0 – 4,9	D	1,0
nhỏ hơn 4,0	F	0,0

Học phần chỉ được tính tích lũy khi đạt từ điểm D trở lên.

Điểm học phần sẽ được công bố và ghi nhận với điểm số theo thang điểm 10 và điểm chữ. Điểm chữ được quy đổi sang điểm số theo thang điểm 4 để tính điểm trung bình chung học kỳ (ĐTBCHK) và điểm trung bình chung tích lũy (ĐTBCTL).

Các điểm học phần khác

a) Điểm M: Dùng để xác nhận học phần sinh viên được miễn học do đã tích lũy được bằng các hình thức khác. Điểm M không được tính vào (ĐTBCHK) và ĐTBCTL. Số TC của học phần có điểm M được tính vào tổng số TC tích lũy. Để nhận điểm M, sinh viên phải làm đơn có ý kiến của Cố vấn học tập (CVHT) và trưởng khoa xem xét theo từng HK, kèm theo giấy tờ hợp lệ.

b) Điểm I: Dành cho các trường hợp chưa hoàn thành đầy đủ yêu cầu của học phần (sinh viên đã dự học, dự các lần kiểm tra giữa HK, đã thực hiện các hoạt động liên quan đến học phần như thí nghiệm, thực hành nhưng vì lý do bất khả kháng như ốm đau, tai nạn... đã vắng mặt trong buổi thi kết thúc học phần và được giảng viên phụ trách học phần chấp thuận cho bổ sung điểm). Điểm I không được tính vào ĐTBCHK ở HK đó. Để nhận được điểm I, sinh viên phải làm đơn kèm theo hồ sơ hợp lệ nộp cho giảng viên giảng dạy học phần xem xét và trình trưởng khoa duyệt. Thời hạn bổ sung điểm của học phần do giảng viên quy định nhưng không quá 1 năm kể từ ngày thi lần trước. Quá thời hạn trên, nếu sinh viên không hoàn thành thì sẽ bị điểm F.

c) Điểm W: Dành cho các học phần mà sinh viên được phép rút theo quy định. Điểm W không tính vào ĐTBCHK và ĐTBCTL.

Số lần thi, tổ chức thi và vắng thi

Kỳ thi kết thúc học phần được tổ chức 1 lần. Lịch thi kết thúc học phần phải được thông báo đến tất cả sinh viên chậm nhất 1 tuần trước ngày thi.

Thời gian tổ chức thi được thực hiện theo quy định. Đối với các học phần riêng lẻ, giảng viên tự sắp xếp để tổ chức thi; đối với các học phần có nhiều sinh viên, được giảng dạy nhiều lớp học phần thì sẽ thi theo lịch chung do khoa quản lý học phần xếp.

Trong thời gian thi kết thúc học phần, nếu sinh viên có lý do chính đáng không thể dự thi, được Cố vấn học tập (CVHT) và giảng viên giảng dạy học phần chấp thuận thì được phép vắng thi. Sinh viên được phép vắng thi sẽ nhận điểm I theo quy định.

Quy định về thi và kiểm tra

Sinh viên có trách nhiệm chấp hành các quy định về thi và kiểm tra, cụ thể như sau:

1. Thực hiện đúng lịch kiểm tra và thi của Trường, của khoa, của bộ môn. Phải có mặt đúng giờ, nếu đến trễ 15 phút sau khi mở đề, sinh viên sẽ không được dự thi và xem như vắng thi không lý do, sẽ nhận điểm F cho học phần đó.

2. Phải mang bảng tên (hoặc xuất trình giấy tờ khác có ảnh, được đóng dấu giáp lai) khi vào phòng thi. Tuyệt đối phục tùng sự kiểm tra, quản lý và hướng dẫn của cán bộ coi thi (CBCT). Túi xách, tài liệu, phương tiện kỹ thuật thu, phát, truyền tin, ghi âm... phải để tập trung đúng nơi quy định.

3. Không được ra khỏi phòng thi trong thời gian làm bài. Các trường hợp đặc biệt cần cho ra ngoài đều phải lập biên bản.

4. Bài thi phải làm trên giấy thi thống nhất, viết rõ ràng, sạch sẽ. Được sử dụng bút mực hoặc bút bi màu xanh dương, đen hoặc tím; thước kẻ; thước tính; máy tính điện tử không có thẻ nhớ và không soạn thảo được văn bản; giấy nháp có chữ ký của CBCT.

5. Trong giờ thi sinh viên phải giữ trật tự, nghiêm túc làm bài và bảo vệ bài làm của mình, không để người khác chép bài của mình. Nếu có thắc mắc phải hỏi công khai. Nếu ốm đau bất thường phải báo cáo để CBCT giải quyết.

6. Những bài thi sau đây là không hợp lệ và không được chấm điểm:

a) Làm bài trên giấy thi khác với giấy thi quy định.

b) Không có chữ ký của CBCT.

c) Viết bằng bút chì, mực đỏ (hình vẽ có thể dùng bút chì).

d) Các bài làm giống nhau.

e) Vẽ bậy, viết bậy trong bài thi.

7. Hết giờ làm bài, sinh viên phải ngừng viết, để bài làm trước mặt và im lặng chờ CBCT thu bài. Khi nộp bài phải ghi rõ số tờ giấy thi đã nộp và ký tên vào danh sách dự thi.

Sinh viên vi phạm các quy định trên đây sẽ bị CBCT lập biên bản. Tùy theo mức độ nặng nhẹ xử lý kỷ luật theo quy định.

Các hình thức xử lý sinh viên vi phạm quy định về thi và kiểm tra

1. Khiển trách khi sinh viên vi phạm một trong các lỗi:

a) Nhìn bài của người khác.

b) Trao đổi, thảo luận với người khác.

Sinh viên bị khiển trách sẽ bị trừ 25% điểm số của lần thi/kiểm tra đó. Sinh viên bị khiển trách 2 lần trong một năm học sẽ bị kỷ luật cảnh cáo toàn khoa.

2. Cảnh cáo khi sinh viên vi phạm một trong các lỗi sau:

a) Đã bị khiển trách một lần nhưng vẫn tiếp tục vi phạm trong một buổi thi.

b) Trao đổi giấy nháp cho nhau nhưng chưa sử dụng (xử lý cả 2 sinh viên).

c) Chép bài của người khác hoặc để cho người khác chép bài của mình.

d) Không phục tùng sự quản lý, nhắc nhở của CBCT hoặc có thái độ vô lễ đối với CBCT.

Sinh viên bị cảnh cáo sẽ bị trừ 50% điểm số của lần thi/kiểm tra đó. Sinh viên bị cảnh cáo thi 2 lần trong một năm học sẽ bị kỷ luật cảnh cáo toàn Trường.

3. Đình chỉ thi khi sinh viên vi phạm một trong các lỗi sau:

a) Đã bị cảnh cáo một lần nhưng vẫn tiếp tục vi phạm trong một buổi thi.

b) Sau khi mở đề thi bị phát hiện vẫn còn mang theo người (hoặc nơi ngồi của mình)
những vật dụng không được phép mang vào phòng thi.

c) Sử dụng giấy nháp hoặc bài làm của người khác (xử lý cả 2 sinh viên).

d) Đưa đề thi ra ngoài nhờ người khác làm hộ hoặc nhận bài giải từ ngoài vào phòng thi.

e) Có hành động gây rối hoặc đe dọa CBCT hoặc sinh viên khác.

Sinh viên bị đình chỉ thi bị nhận điểm 0 cho lần thi/kiểm tra đó. Sinh viên bị đình chỉ thi 2 lần trong một năm học sẽ bị đình chỉ học tập 1 năm sau đó. Nếu tái phạm sẽ bị buộc thôi học.

4. Xử lý thi hộ: áp dụng cho cả người thi hộ và người nhờ thi hộ:

a) Vi phạm lần thứ nhất:

- Người nhờ thi hộ: nhận điểm 0 học phần đó, đình chỉ học tập 1 năm.

- Người thi hộ: đình chỉ học tập 1 năm.

b) Vi phạm lần thứ hai (trong cả khóa học): buộc thôi học.

Các trường hợp vi phạm khác tùy mức độ nặng nhẹ sẽ do Hội đồng kỷ luật của Trường xử lý.

Điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy

1. Số tín chỉ (TC) tích lũy là tổng số TC của các học phần đã tích lũy.
2. Điểm trung bình chung học kỳ là trung bình có trọng số của điểm các học phần mà SV đã học trong học kỳ (HK, kể cả các học phần bị điểm F và học phần điều kiện trừ học phần GDTC), với trọng số là số TC của các học phần đó. ĐTBCHK là cơ sở để đánh giá kết quả học tập, xét học bổng, khen thưởng, cảnh báo học vụ sau mỗi HK.
3. Điểm trung bình chung năm học (ĐTBCNH) là trung bình có trọng số của điểm các học phần mà sinh viên đã học trong 2 học kỳ chính của năm học (kể cả các học phần bị điểm F và học phần điều kiện trừ học phần GDTC).
4. Điểm trung bình chung tích lũy là trung bình có trọng số của điểm các học phần đã tích lũy tính đến thời điểm xét (không bao gồm các học phần bị điểm F và học phần điều kiện). ĐTBCTL là cơ sở để đánh giá kết quả học tập trong suốt thời gian học, xếp loại học tập, xếp hạng tốt nghiệp.
5. Xếp loại học tập HK căn cứ vào ĐTBCHK; xếp loại học tập năm học căn cứ vào ĐTBCNH theo bảng sau:

Xếp loại	ĐTBCHK/ĐTBCNH
Xuất sắc	3,60 - 4,00
Giỏi	3,20 - 3,59
Khá	2,50 - 3,19
Trung bình	2,00 - 2,49
Trung bình yếu	1,00 - 1,99
Kém	< 1,00

Thông báo kết quả học tập

1. Giảng viên chịu trách nhiệm: trả bài kiểm tra và bài thi tại lớp; nhập điểm học phần vào hệ thống quản lý trực tuyến và in thành hai (02) bản, ký tên, gửi Khoa quản lý học phần. Khoa quản lý học phần lưu một (01) bản và gửi về Phòng Đào tạo một (01) bản chậm nhất là 10 ngày sau ngày thi của học phần. Trưởng khoa quản lý học phần xử lý tất cả khiếu nại liên quan đến kết quả học tập của học phần do khoa quản lý và chỉ thực hiện trong thời gian 1 tuần kể từ ngày công bố điểm.

3. Kết thúc khoá học, Trường cấp bảng điểm học tập toàn khóa cho sinh viên được công nhận tốt nghiệp.

4. Trong quá trình học tập, sinh viên có thể đăng ký cấp bảng điểm học kỳ theo nhu cầu riêng; mức chi phí do Trường quy định.

Xếp hạng năm đào tạo

Xếp hạng năm đào tạo được xác định dựa vào tổng số tín chỉ (TC) đã tích lũy, không dựa vào thời gian sinh viên vào Trường. Sau mỗi học kỳ (HK), căn cứ vào khối lượng TC tích lũy, sinh viên được xếp hạng năm đào tạo như sau:

Xếp hạng năm đào tạo	**Số TC đã tích lũy *(K.36 đến K.39)***	**Số TC đã tích lũy *(từ K.40 trở về sau)***
Năm thứ nhất	Dưới 30	Dưới 36
Năm thứ hai	Từ 30 đến dưới 60	Từ 36 đến 70
Năm thứ ba	Từ 60 đến dưới 90	Từ 71 đến 105
Năm thứ tư	Từ 90 đến dưới 120	Từ 106 đến 140
Năm thứ năm	Từ 120 trở lên	Trên 140

Điểm rèn luyện

1. Mức độ rèn luyện của sinh viên được đánh giá từng học kỳ (HK) của 2 học kỳ chính và đo lường bằng điểm rèn luyện (ĐRL) được chấm theo thang điểm 100 dựa vào các quy định hiện hành. ĐRL cả năm là trung bình cộng của ĐRL 2 học kỳ chính. HK phụ không tính ĐRL.

2. Sinh viên bị kỷ luật mức khiển trách cấp Trường, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại khá.

3. Sinh viên bị kỷ luật mức cảnh cáo cấp Trường, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình.

4. Sinh viên không thực hiện bảng đánh giá kết quả rèn luyện hoặc không nộp bảng đánh giá đúng thời gian quy định sẽ bị xếp loại kém ở HK đó.

5. Sinh viên bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong 2 học kỳ liên tiếp sẽ bị đình chỉ học tập một học kỳ.

6. Sinh viên bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong 2 học kỳ liên tiếp lần thứ hai sẽ bị buộc thôi học.

7. Sử dụng điểm rèn luyện:

a) Điểm rèn luyện toàn khóa học được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên, ghi vào bảng
điểm học tập toàn khóa của sinh viên khi ra trường.

b) Điểm rèn luyện của sinh viên từng HK là tiêu chí để xét học bổng khuyến khích học tập, xếp loại và khen thưởng cuối mỗi năm học.

Xếp loại và khen thưởng

1. Xếp loại: sinh viên học đủ số tín chỉ (TC) theo quy định (từ 15 TC trở lên cho mỗi học kỳ HK), có tiến độ học tập trong khung thời gian thiết kế chương trình đào tạo (CTĐT), không vi phạm kỷ luật từ hình thức khiển trách cấp Trường trở lên, đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện sẽ được xếp loại như sau:

a) Loại xuất sắc: Học tập và rèn luyện đạt loại xuất sắc.

b) Loại giỏi: Học tập đạt từ loại giỏi và rèn luyện đạt từ loại tốt trở lên. c) Loại khá: Học tập và rèn luyện đạt từ loại khá trở lên.

2. Khen thưởng

a) Sinh viên trúng tuyển vào Trường có điểm cao sẽ được khen thưởng theo quyết định của Hiệu trưởng:

b) Sinh viên tốt nghiệp đúng hoặc sớm hơn thời gian thiết kế của CTĐT:

- Sinh viên đạt từ loại khá toàn khóa trở lên được xét thủ khoa của ngành/chuyên ngành đào tạo sẽ được cấp giấy khen và phần thương.

- Sinh viên đạt từ loại giỏi toàn khoá trở lên sẽ được cấp giấy khen.

c) Khen thưởng sinh viên cuối mỗi năm học: Hiệu trưởng xét cấp giấy khen và phần thưởng cho mỗi lớp chuyên ngành một sinh viên được xếp loại giỏi trở lên.

Trường hợp sinh viên có cùng kết quả học tập thì ưu tiên chọn sinh viên có điểm rèn luyện (ĐRL) cao hơn. 3. Định mức khen thưởng do Hiệu trưởng quyết định.

Điều kiện xét tốt nghiệp

Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây được xét công nhận tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ các học phần và số TC quy định trong CTĐT; ĐTBCTL của các học phần đạt từ 2,00 trở lên (theo thang điểm 4);
- Hoàn thành các học phần điều kiện. Ngoài ra, điểm trung bình chung các học phần GDQP&AN phải đạt từ 5,0 trở lên (theo thang điểm 10);
- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập trong năm học cuối.

Hằng năm, Sinh viên được xét tốt nghiệp vào tháng 1, tháng 6 và tháng 8. Sinh viên được nhận bằng tốt nghiệp 30 ngày kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp. Lễ trao bằng tốt nghiệp được tổ chức vào tháng 4 và tháng 9.

Sinh viên đăng ký xét tốt nghiệp thông qua hệ thống quản lý trực tuyến của Trường.

Hội đồng xét tốt nghiệp chịu trách nhiệm xét tốt nghiệp đúng thời hạn, đúng đối tượng và đề nghị Hiệu trưởng công nhận những Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Phòng Đào tạo và Phòng Công tác Sinh viên chịu trách nhiệm thẩm định và trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp.

Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được nhận quyết định công nhận tốt nghiệp, bảng điểm học tập toàn khóa và bằng tốt nghiệp. Sinh viên phải nộp chi phí thực hiện bản sao bằng tốt nghiệp do Trường quy định (nếu có yêu cầu).

Sinh viên nghỉ học tạm thời

Sinh viên có thể làm đơn xin phép nghỉ học tạm thời trong các trường hợp sau đây:

a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang

b) Ốm đau, tai nạn phải điều trị trong thời gian dài (có xác nhận của cơ quan y tế)

c) Vì nhu cầu cá nhân (hoàn cảnh gia đình neo đơn, việc riêng...). Trường hợp này chỉ giải quyết khi sinh viên đã học ít nhất 1 học kỳ ở Trường, không rơi vào tình trạng bị buộc thôi học và phải có điểm trunh bình tích lũy không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời trong trường hợp này được tính vào quỹ thời gian để hoàn thành CTĐT

Nếu được chấp thuận, sinh viên sẽ được nhận quyết định cho phép nghỉ học của Hiệu trưởng. Khi hết thời gian nghỉ học tạm thời và chậm nhất là 2 tuần trước khi HK mới bắt đầu, sinh viên phải nộp hồ sơ xin học lại. Nếu đủ điều kiện, Hiệu trưởng sẽ có quyết định thu nhận sinh viên học lại.

Sinh viên thuộc diện cảnh báo học vụ, đình chỉ học tập và buộc thôi học

- *Sinh viên thuộc diện bị cảnh báo học vụ:*

- Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo
- Không đăng ký học trong học chính mà không được sự cho phép của Hiệu trưởng

- *Sinh viên thuộc diện bị đình chỉ học tập 1 học kỳ:*

- Bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 1 học kỳ
- Có điểm rèn luyện yếu, kém trong 2 học kỳ liên tiếp

- *Sinh viên thuộc diện bị đình chỉ học tập 1 năm:*

- Bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập1 năm
- Có điểm rèn luyện yếu, kém trong 2 học kỳ liên tiếp

- *Sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học:*

- Bị kỷ luật ở mức buộc thôi học
- Đã bị cảnh báo học vụ và học kỳ chính kế tiếp có điểm trung bình chung học kỳ dưới 1,00
- Nghỉ học tạm thời quá thời hạn cho phép
- Không đăng ký học trong 2 học kỳ chính liên tiếp mà không được sự cho phép của Hiệu trưởng
- Không đóng học phí 2 học kỳ liên tiếp
- Có điểm rèn luyện yếu, kém 2 học kỳ liên tiếp lần thứ hai
- Đã hết thời gian tối đa được phép học

- *Điều kiện đi thực tập thực tế và thực hiện khóa luận tốt nghiệp:* Sinh viên cần tích lũy từ 120 tín chỉ trở lên có thể đi thực tập thực tế và làm khóa luận tốt nghiệp. Để chuẩn bị tốt cho kỳ thực tập thực tế và làm khóa luận tốt nghiệp, sinh viên cần nắm vững các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành.

Học phần tương đương

- *Xét công nhận học phần tương đương:*

- Thời gian thực hiện quy trình khi bắt đầu học kỳ đến khi sắp kết thúc mỗi học kỳ
- Xét tương đương những học phần trong chương trình đào tạo không còn mở lớp với một học phần khác có cùng nội dung và khối lượng kiến thức
- Áp dụng cho tất cả sinh viên có nhu cầu xét công nhận học phần tương đương
- Sinh viên thực hiện đúng quy trình xét công nhận học phần tương đương: sinh viên nộp đơn xét công nhận học phần tương đương, đơn vị quản lý ngành kiểm tra, xét duyệt và gửi hồ sơ có liên quan về phòng đào tạo, phòng đào tạo kiểm tra và phản hồi về đơn vị quản lý ngành, phòng đào tạo cập nhật kết quả vào hệ thống quản lý, sinh viên kiểm tra kết quả trên hệ thống quản lý.

- *Các loại học phần:*

- Học phần bắt buộc: học phần sinh viên phải tích lũy

- Học phần tự chọn: học phần sinh viên tự lựa chọn để tích lũy
- Học phần tiên quyết của học phần CT--- nào đó: học phần mà sinh viên phải tích lũy mới được đăng ký và học phần CT---
- Học phần song hành của học phần CT--- nào đó: học phần mà sinh viên phải học trước hoặc học cùng lúc với học phần CT---
- Học phần điều kiện: học phần sinh viên phải học và tích lũy nhưng kết quả không được tính vào điểm trung bình chung tích lũy, ví dụ như GDQP, GDTC, AVCB, THCB.

- Học bổng và trợ cấp xã hội:

- Học bổng khuyến khích học tập
  - ✓ Học bổng khuyến khích học tập được xét cấp theo học kỳ (HK) dựa trên cơ sở điểm trung bình chung học kỳ (ĐTBCHK) và điểm rèn luyện (ĐRL) của HK chính trước đó. Riêng đối với HK đầu tiên của khóa học, học bổng được cấp dựa trên kết quả xét tuyển đầu vào do Hiệu trưởng quyết định (khôngbao gồm điểm ưu tiên)
  - ✓ Quỹ học bổng cấp cho sinh viên từng lớp chuyên ngành được công bố từ đầu khóa học và sẽ được điều chỉnh nếu nguồn quỹ học bổng của Trường có thay đổi - Điều kiện để được xét học bổng:
    - o Có số TC đăng ký tối thiểu trong HK chính trước đó là 15 TC (trừ trường hợp do Trường bố trí);
    - o HK chính trước đó, sinh viên có kết quả học tập, rèn luyện đạt từ loại khá trở lên, không có học phần dưới điểm D;
  - ✓ Không bị kỷ luật từ hình thức khiển trách cấp Trường trở lên - Tiêu chuẩn cho từng mức học bổng được xác định như sau: Mức học bổng loại xuất sắc: ĐTBCHK và ĐRL đạt loại xuất sắc
    - o Mức học bổng loại giỏi: ĐTBCHK đạt từ loại giỏi và ĐRL đạt từ loại tốt trở lên
    - o Mức học bổng loại khá: ĐTBCHK và ĐRL đạt từ loại khá trở lên
  - ✓ Học bổng cho SV đi học tập ở nước ngoài: SV được cấp HBKKHT còn được xét cấp học bổng để đi học nước ngoài theo Quy chế số 770/QĐ-ĐHCT, ngày 15/3/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ
  - ✓ Mức học bổng do Hiệu trưởng quyết định
  - ✓ Học bổng khuyến khích học tập được xét cấp theo học kỳ (HK) dựa trên cơ sở điểm

- Học bổng tài trợ: Hằng năm, Trường xét cấp học bổng tài trợ từ nguồn tài trợ của các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân... trong và ngoài nước theo Quy định về quản lý và cấp phát học bổng tài trợ.

- Quỹ hỗ trợ sinh viên: Khi gặp khó khăn đột xuất về kinh tế, SV có thể làm đơn trình bày rõ hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của Cố vấn học tập (CVHT) và trưởng khoa để Hiệu trưởng xem xét.

- Trợ cấp xã hội: Đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội là sinh viên dân tộc ít người ở vùng cao; sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ; sinh viên tàn tật trên 41%; sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ đói.

Học phí, miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập

Học phí đóng theo học kỳ (HK) và tính theo tổng số TC mà sinh viên đã đăng ký học ở HK đó. Mức học phí do Hiệu trưởng quyết định.

Đối tượng được miễn, giảm học phí và được hỗ trợ chi phí học tập thực hiện theo các quy định hiện hành và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

(Hồ sơ hướng dẫn thực hiện miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập tại website Phòng Công tác Sinh viên).

Sau thời hạn đóng học phí, sinh viên không đóng học phí sẽ bị hủy kết quả học tập những học phần nợ học phí trong HK đó và buộc phải đóng học phí còn nợ cùng lúc với học phí của HK tiếp theo. Không đóng học phí 2 học kỳ liên tiếp sẽ bị buộc thôi học.

Bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn và tín dụng sinh viên

Bảo hiểm y tế (BHYT): sinh viên phải nộp phí BHYT theo các quy định hiện hành của Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12, ngày 14/11/2008 và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Bảo hiểm tai nạn (BHTN): Trường khuyến khích sinh viên tham gia nộp BHTN.

Tín dụng sinh viên: sinh viên có thể xin vay tín dụng từ các Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương nơi gia đình sinh viên cư trú. Trường sẽ cấp giấy xác nhận để sinh viên bổ sung hồ sơ xin vay vốn.

Điều chỉnh thông tin cá nhân

Sinh viên điều chỉnh thông tin cá nhân (do nhập sai) làm theo hướng dẫn như sau:

1) Ghi thông tin điều chỉnh tại trang điều chỉnh.
2) Sinh viên điều chỉnh thông tin Ngày Vào Đoàn, thông tin về Chi Hội thì liên hệ Văn Phòng Đoàn Khoa hoặc Đoàn Trường.
3) Sau 05 ngày, sinh viên kiểm tra lại hệ thống để kiểm tra lại thông tin cập nhật (trừ Thứ 7, Chủ nhật và ngày lễ).
4) Nếu sinh viên có thắc mắc vui lòng liên hệ trực tiếp Phòng Công tác Sinh viên hoặc email: ttkhai@ctu.edu.vn để được hướng dẫn.

Tạm hoãn Nghĩa vụ Quân sự

Sinh viên đăng ký Giấy xác nhận tạm hoãn Nghĩa vụ Quân sự (do Phòng Công tác Sinh viên ký thừa lệnh Hiệu trưởng) thì thực hiện theo các bước:

5) Điền đầy đủ thông tin tại trang đăng ký.
6) Thời gian nhận: lúc 16 giờ ngày hôm sau (trừ thứ bảy, chủ nhật và các ngày lễ).

   Địa điểm nhận: Phòng Công tác Sinh viên.
7) Trường hợp sinh viên đăng ký nhưng không liên hệ để nhận sau 7 ngày sẽ xem xét về việc trừ Điểm rèn luyện.

Hồ sơ vay vốn ở địa phương

Sinh viên đăng ký Giấy xác nhận để bổ sung hồ sơ vay vốn ở địa phương làm theo hướng dẫn như sau:

1) Điền đầy đủ thông tin tại trang đăng ký.
2) Thời gian nhận: lúc 16 giờ ngày hôm sau (trừ thứ bảy, chủ nhật và các ngày lễ).

   Địa điểm nhận: Phòng Công tác Sinh viên.
3) Trường hợp sinh viên đăng ký nhưng không liên hệ để nhận sau 7 ngày sẽ xem xét về việc trừ Điểm rèn luyện.
4) Sinh viên đăng ký Giấy xác nhận 01 tờ/ học kỳ.

Thực hiện công tác xã hội

- *Thanh niên tình nguyện:*

- Hưởng ứng Ngày Môi trường Thế Giới
- Hoạt động "Trung thu cho em", hoạt động vì cộng đồng của sinh viên
- Hưởng ứng đổi rác thải nhựa lấy quà tặng
- Chiến dịch Thanh niên tình nguyện hè
- Hiến máu tình
- Con đường nối những niềm vui
- Thăm phụ dưỡng Mẹ Việt Nam anh hung
- Hoạt động đền ơn đáp nghĩa
- Sinh viên Đại học Cần Thơ tham gia hỗ trợ chương trình "Tiếp sức mùa thi" tại các tỉnh ĐBSCL
- Ngày hội Tư vấn tuyển sinh
- Ngày hội việc làm
- Hoạt động tình nguyện và giao lưu với trường Đại học của các nước trong khu vực

- Tuổi trẻ sáng tạo:

- Khởi nghiệp
- Sáng tạo
- Cà phê khoa học
- Nghiên cứu khoa học
- Sinh viên 5 tốt
- Olympic Tin học, lập trình ACM/ICPC
- Code War